TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ BÌNH
TỈNH THÁI NGUYÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 72/2018/ HS-ST
Ngày 23 tháng 7 năm 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Toản;
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông: Nguyễn Văn Gia;
2. Ông: Hoàng Văn Đích.

- Thư ký phiên tòa: Ông Sái Đức Trung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Bình tham gia phiên tòa: Ông Lưu Nguyên Vũ - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 7 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 66/2018/TLST-HS, ngày 28 tháng 5 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 69/2018/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 6 năm 2018, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Nguyễn Văn T, sinh năm: 1994, tại huyện P, tỉnh Thái Nguyên;

Nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Xóm N, xã Điềm T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam.

Con ông: Nguyễn Đình K (đã chết) và bà: Nguyễn Thị T, sinh năm: 1973. Gia đình có 02 anh chị em, bị cáo là con thứ hai trong gia đình.

Vợ, con: Chưa có.

Tiền án, tiền sự: Không có.

Bị cáo không bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày nào, hiện đang tại ngoại tại địa phương (Bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú).

(Có mặt tại phiên tòa).

2.Họ và tên: Nguyễn Đình H, sinh năm: 1953, tại huyện P, tỉnh Thái Nguyên;

Nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Xóm N, xã Điềm,huyện P,tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hoá: 09/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam.

Con ông: Nguyễn Đình B và bà: Nguyễn Thị B1 (đều đã chết). Gia đình có 05 anh chị em, bị cáo là con thứ hai trong gia đình.

Có vợ là Dương Thị P, sinh năm: 1962 và 07 con, con lớn sinh năm 1981, con nhỏ sinh năm 1994.

Tiền án, tiền sự: Không có.

Bị cáo không bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày nào, hiện đang tại ngoại tại địa phương (Bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú).

(Có mặt tại phiên tòa).

***.Người làm chứng:**

1. Anh Trần Văn T1 - Sinh năm: 1992;

Nơi cư trú: Xóm Đ 2, xã U, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

2. Anh Nguyễn Đình Đ - Sinh năm: 1995;

Nơi cư trú: Xóm N, xã Đ, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

(Anh T có mặt, anh Đ vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 21 giờ 30 phút ngày 28/12/2017, tổ công tác Công an huyện Phú Bình đang làm nhiệm vụ tuần tra tại Khu công nghiệp Đ, huyện P, tỉnh Thái Nguyên thì nhận được tin báo của quần chúng nhân dân tại khu vực xóm T2, xã Đi, huyện P, tỉnh Thái Nguyên có một số đối tượng đang có hành vi mua bán pháo nổ. Tổ công tác đã triển khai lực lượng đến địa điểm trên theo nguồn tin thì phát hiện thấy 01 xe Taxi BKS 20A-219.47 của hãng Taxi Thái Nguyên đang đỗ ở khu vực Cầu K thuộc xóm T 2, xã Điềm T, có 1 nam thanh niên đứng cạnh cửa sau bên phải của xe Taxi đang ở trạng thái mở, trên xe có lái xe ngồi ở ghế lái và một nam thanh niên ngồi ở ghế sau. Khi tổ công tác tiếp cận yêu cầu cho kiểm tra thì nam thanh niên đứng ngoài cửa sau bên phải xe bỏ chạy thoát, tổ công tác kịp thời giữ xe, và những người ngồi trong xe để kiểm tra. Lúc này người lái xe taxi tự khai tên là Trần Văn T1, còn nam thanh niên ngồi ở ghế sau là bị cáo Nguyễn Văn T, tại ghế sau của xe bên cạnh T phát hiện có 2 bao tải dứa màu xanh và 01 thùng các tông, mở ra kiểm tra bên trong phát hiện:

- 01 bao tải dứa bên trong chứa 15 hộp hình vuông có kích thước 12x12x12cm có vỏ bọc bằng giấy màu đỏ ghi nhiều chữ nước ngoài; 01 thùng các tông chứa 214 quả hình trụ tròn có giấy màu vàng bao quanh phần trụ tròn có ghi chữ nước ngoài và có dây màu xanh dài 30cm; 01 bao tải dứa bên trong chứa 400 quả hình trụ tròn có

giấy màu vàng bao quanh phần trụ tròn có ghi chữ nước ngoài và có dây màu xanh dài 30cm.

Số vật chứng trên bị cáo T khai nhận là pháo nổ đang trên đường thuê xe Taxi của anh Trần Văn Thu vận chuyển mang đi bán để kiếm lời bất chính, đồng thời T tự giác giao nộp 250.000 tiền Việt Nam đồng. Tổ công tác đã tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với T, đưa T và T1 về trụ sở Công an huyện Phú Bình điều tra làm rõ theo thẩm quyền.

Tại cơ quan Cảnh sát điều tra, bị cáo Nguyễn Văn T khai nhận số pháo trên là do Trung mua của bị cáo Nguyễn Đình H để bán kiếm lời. Căn cứ vào lời khai của Nguyễn Văn T, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Phú Bình đã tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở và khu vực nhà ở của Nguyễn Văn T và Nguyễn Đình H. Quá trình khám xét nhà T không phát hiện, thu giữ gì liên quan đến vụ án. Tại nhà bị cáo Nguyễn Đình H phát hiện thu giữ: 03 hộp hình vuông có kích thước 12x12x12cm có vỏ bọc bằng giấy màu đỏ ghi nhiều chữ nước ngoài và 01 dây pháo có nhiều quả nhỏ màu đỏ được kết nối với nhau dài 07 mét xếp thành nhiều vòng tròn, bên ngoài bọc bằng giấy ni lông màu đỏ, ghi chữ nước ngoài theo bị cáo H khai đó là pháo nổ mua của một người đi ô tô chở lợn thường hay đi qua xã Đ, huyện P, bị cáo không biết rõ tên, tuổi, địa chỉ của người này. AnhTrần Văn T1 khai nhận: Khi T thuê xe Taxi do T1 điều khiển thì T không nói với T1 là đi mua bán pháo, khi vận chuyển pháo lên xe thì pháo được để trong bao tải dứa và hộp các tông nên T1 không biết bên trong là pháo.

Tiến hành cân xác định trọng lượng số pháo thu giữ khi bắt quả tang đối với T, gồm: 15 hộp pháo có kích thước 12x12x12cm có vỏ bọc bằng giấy màu đỏ ghi nhiều chữ nước ngoài có trọng lượng: 21,5kg; 614 quả pháo hình trụ tròn có giấy màu vàng bao quanh phần trụ tròn có ghi chữ nước ngoài và có dây màu xanh dài 30cm có trọng lượng là: 25kg; Số pháo thu giữ khi khám xét tại nhà Nguyễn Đình H, gồm: 01 dây pháo màu đỏ dài 07 mét bên trong có nhiều quả nhỏ nối với nhau thành nhiều vòng tròn được bọc bằng giấy ni lông màu đỏ, ghi chữ nước ngoài có trọng lượng là: 1,9kg; 03 hộp pháo có kích thước 12x12x12cm có vỏ bọc bằng giấy màu đỏ ghi nhiều chữ nước ngoài có trọng lượng: 4,5kg.

Ngày 29/12/2017, cơ quan điều tra đã tiến hành lấy 10 vật dạng hình bóng đèn, kích thước phần trụ dài 03cm, đường kính 2,5cm, phần hình cầu có chu vi 13cm niêm phong ký hiệu M1 có trọng lượng 0,4kg được lấy từ 614 quả hình trụ tròn có giấy màu vàng bao quanh phần trụ tròn có ghi chữ nước ngoài và có dây màu xanh dài 30cm; 01 hộp hình hộp kích thước (12x12x12)cm được niêm phong ký hiệu M2 có trọng lượng 1,5kg được lấy từ 18 hộp hình vuông có kích thước 12x12x12cm có vỏ bọc bằng giấy màu đỏ ghi nhiều chữ nước ngoài; 20 vật hình trụ dài 03cm, đường kính 01cm được niêm phong ký hiệu M3 có trọng lượng 0,02kg được lấy từ 01 dây dài 7m có nhiều quả nhỏ nối với nhau thành nhiều vòng được bọc bằng giấy ni lông

màu đỏ, ghi chữ nước ngoài gửi Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Nguyên để giám định. (BL số 44 – 45).

Tại bản kết luận giám số 241/KL-PC54 ngày 09/01/2018 và Công văn số 15/PC54 ngày 09/3/2018, Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Nguyên kết luận và giải thích kết luận giám định như sau: 10 vật dạng hình bóng đèn tròn, kích thước phần trụ dài 03cm, đường kính 2,5cm, phần hình cầu có chu vi 13cm niêm phong ký hiệu M1 có khối lượng 0,4kg là pháo, có đầy đủ đặc tính của pháo nổ (có chứa thuốc pháo khi bị kích thích hoặc đốt có gây ra tiếng nổ); 01 khối hình hộp vuông có kích thước (12x12x12)cm, bên trong có 36 vật hình trụ, mỗi vật hình trụ có đường kính 2cm, dài 12cm được niêm phong ký hiệu M2 có khối lượng 1,5kg là pháo, có đầy đủ đặc tính của pháo nổ (có chứa thuốc pháo khi bị kích thích (hoặc đốt) có gây ra tiếng nổ); 20 vật hình trụ dài 03cm, đường kính 01cm lấy từ dây pháo được niêm phong ký hiệu M3 có trọng lượng 0,02kg là pháo nổ, có đầy đủ đặc tính của pháo nổ (có chứa thuốc pháo khi bị kích thích (hoặc đốt) có gây ra tiếng nổ).

Quá trình điều tra, các bị cáo Nguyễn Văn T và Nguyễn Đình H khai nhận hành vi mua bán pháo nổ của mình như sau: T có quen biết một đối tượng tên là S (T chỉ biết tên chứ không biết họ tên đầy đủ, tuổi và địa chỉ nhà S ở đâu), chiều ngày 28/12/2017 trong khi uống rượu với S thì S có hỏi T về việc S muốn mua pháo nổ thì T nói với S là T có thể mua được pháo để bán cho S với giá: pháo trứng là 25.000 đồng/1 quả, bệ pháo 36 quả là 500.000 đồng/01 bệ thì S đồng ý và nói là có bao nhiêu S sẽ mua hết. Do T ở cùng xóm với Nguyễn Đình H nên T biết H có pháo nổ để ở nhà nên T gọi điện cho Nguyễn Đình Đ là con của H để hỏi Đ về việc H có ở nhà không, Đ nói với T là H đang ở nhà. Khoảng 21 giờ cùng ngày T thuê xe ô tô Taxi BKS 20A-219.47 của hãng Taxi Thái Nguyên do Trần Văn T1 điều khiển đi đến nhà Nguyễn Đình H, khi đi T không nói với T là đi vận chuyển pháo để bán. Khi đến nhà gặp H thì T nói với H là có pháo không để bán cho T, H đồng ý rồi đi xuống nhà ngang lấy 02 bao tải dứa màu xanh bên trong có chứa 614 quả pháo trứng và 01 hộp các tông bên trong chứa 15 giàn pháo hoa rồi cùng T mang ra chỗ xe Taxi đang đỗ rồi để pháo lên xe. Giữa H và T chưa thỏa thuận giá bán pháo mà thỏa thuận sau khi bán được pháo về thì thanh toán tiền sau. Khi T đang mang số pháo trên đi bán cho S thì bị lực lượng Công an huyện Phú Bình bắt quả tang như đã nêu trên. Đối với số pháo thu giữ tại nhà H khi khám xét khẩn cấp gồm 01 dây pháo màu đỏ dài 07 mét có trọng lượng là 1,9kg; 03 hộp pháo có kích thước 12x12x12cm có trọng lượng: 4,5kg (03 hộp pháo nêu trên cùng loại với 15 hộp pháo H bán cho T) H khai giữ lại để đốt dịp Tết nguyên đán.

Tại phiên tòa các bị cáo Nguyễn Văn T và Nguyễn Đình H đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của các bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội: Buôn bán hàng cấm, vì

các bị cáo đã có hành vi mua pháo nổ (là mặt hàng nhà nước cấm kinh doanh) về với mục đích bán lại cho người khác để kiếm lời bất chính.

Bản Cáo trạng số 71/CT-VKSPB, ngày 28-5-2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên truy tố các bị cáo Nguyễn Văn T và Nguyễn Đình H về tội: "Buôn bán hàng cấm", theo khoản 1 Điều 155 của BLHS năm 1999.

Đề nghị Hội đồng xét xử như sau:

Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Văn T và Nguyễn Đình H phạm tội: "Buôn bán hàng cấm".

Áp dụng: Khoản 1 Điều 155 của BLHS năm 1999; khoản 2 Điều 7, điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, Điều 17, 58 và Điều 65 của BLHS năm 2015 (đối với 02 bị cáo), xử phạt:

- Bị cáo Nguyễn Văn T từ 30-36 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 năm.

- Bị cáo Nguyễn Đình H từ 30-36 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 năm

Hình phạt bổ sung: Phạt bổ sung mỗi bị cáo từ 05-10 triệu đồng sung quỹ nhà nước.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 106 của BLTTHS năm 2015:

- Giao 14 hộp pháo hình vuông và 604 quả pháo hình trụ cho Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Thái Nguyên xử lý theo thẩm quyền;

- Tạm giữ 01 chiếc điện thoại di động Nokia của bị cáo H, chiếc điện thoại Iphone và số tiền 250.000 đồng của bị cáo T để đảm bảo việc Thi hành án cho các bị cáo.

Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí HSST sung quỹ Nhà nước theo quy định pháp luật.

Các bị cáo Nguyễn Văn T và Nguyễn Đình H không có ý kiến bào chữa, tranh luận gì về hành vi phạm tội của mình, thừa nhận việc truy tố là không oan, đúng người, đúng tội. Khi được nói lời sau cùng bị cáo các bị cáo đều đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt tù và cho bị cáo được cải tạo tại địa phương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên; Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Bình, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến

hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] *Về hành vi phạm tội của bị cáo:* Do muốn kiếm tiền và thu lợi bất chính từ việc buôn bán hàng cấm là các loại pháo nổ *(là những mặt hàng nhà nước cấm kinh doanh)* nên vào chiều ngày 28/12/2017 khi có đối tượng tên là S (không rõ, họ tên đầy đủ và địa chỉ cụ thể) hỏi mua loại pháo nổ, do biết bị cáo Nguyễn Đình H có pháo nổ nên bị cáo Nguyễn Văn T đã nhất trí bán pháo nổ cho đối tượng này. Khoảng 21 giờ cùng ngày bị cáo T đến nhà và đặt vấn đề hỏi mua pháo nổ của bị cáo H, bị cáo H đã nhất trí bán cho bị cáo T 614 quả pháo trụ hình tròn và 15 hộp pháo có tổng trọng lượng là 46,5kg. Sau khi mua được số pháo nổ trên của bị cáo H, bị cáo T đã mang số pháo trên để bán cho đối tượng tên là S nêu trên theo thỏa thuận, nhưng chưa kịp giao số pháo nêu trên thì bị Công an huyện phú Bình phát hiện bắt quả tang thu giữ toàn bộ vật chứng như đã nêu trên.

Qua giám định đều xác định toàn bộ số pháo nổ nêu trên có đầy đủ đặc tính của pháo nổ, có chứa thuốc pháo khi bị kích thích hoặc đốt có gây ra tiếng nổ.

Xét thấy, các bị cáo là người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự nên buộc phải nhận thức và biết được hành vi mua đi, bán lại các loại pháo nổ là mặt hàng nhà nước cấm kinh doanh là vi phạm pháp luật nhưng vì mục đích nhằm thu lợi bất chính các bị cáo vẫn cố ý thực hiện tội phạm. Hành vi đó của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội phạm: "Buôn bán hàng cấm". Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 155 của BLHS năm 1999. Bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên truy tố các bị cáo về tội danh, điều luật viện dẫn trên là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

Nội dung điều luật quy định như sau:

Điều 155 Bộ luật hình sự năm 1999. Tội .. buôn bán hàng cấm.

1. Người nào ... buôn bán hàng hóa mà Nhà nước cấm kinh doanh có số lượng lớn, thu lợi bất chính lớn... thì bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng hoặc phạt tù từ sáu tháng đến năm năm.

...

4. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ ba đồng đến ba mươi triệu đồng...

Đây là vụ án hình sự: "Buôn bán hàng cấm" do các bị cáo Nguyễn Văn T và Nguyễn Đình H cùng thực hiện với hình thức đồng phạm giản đơn. Trong vụ án này, các bị cáo đều là những người thực hành, trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội của mình một cách độc lập và có vai trò tương đương nhau trong vụ án. Do vậy, khi lượng hình Hội đồng xét xử sẽ cân nhắc, xem xét lên một mức án phù hợp với nhân thân, vai trò, tính chất, mức độ phạm tội do từng bị cáo gây ra.

[3] *Đánh giá tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:*

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, mức độ tội phạm là nghiêm trọng, đã xâm phạm đến chế độ độc quyền của Nhà nước trong việc quản lý, sản xuất, kinh doanh một số loại hàng cấm, hành vi phạm tội của các bị cáo còn gây mất ổn định về trật tự quản lý kinh tế và an ninh trật tự tại địa phương. Dó đó, hành vi phạm tội của các bị cáo cần phải được xử lý theo quy định của pháp luật.

Về tình tiết giảm nhẹ: Trước cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, tỏ ăn năn hối cải, nên các bị cáo đều được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của BLHS năm 2015. Ngoài ra bị cáo còn có đơn xin cải tạo tại địa phương và được chính quyền địa phương xác nhận bảo lãnh, nên bị cáo còn được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự khác được quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS năm 2015.

Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không phải chịu một tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo quy định tại khoản 1 Điều 52 của BLHS năm 2015.

Về nhân thân, các bị cáo đều là người có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu và chưa có tiền án tiền sự, phạm tội lần này chưa gây thiệt hại và được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1, 2 Điều 51 BLHS năm 2015. Các bị cáo đều có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng, bị cáo H là người cao tuổi, các bị cáo đều có hoàn cảnh gia đình khó khăn và là lao đông chính trong gia đình. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy không cần thiết phải cách ly xã hội đối với bị cáo mà chấp nhận nguyện vọng của bị cáo và ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, áp dụng Điều 65 của BLHS năm 2015 cho các bị cáo được cải tạo, giáo dục dưới sự giám sát của chính quyền địa phương cũng đủ tác dụng cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành người công dân tốt có ích cho gia đình, xã hội và cũng cho các bị cáo thấy được sự khoan hồng, nhân đạo của pháp luật Nhà nước ta.

[4] *Về hình phạt bổ sung*: Hành vi phạm tội của các bị cáo nhằm mục đích thu lời bất chính, vì vậy cần áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo theo quy định tại khoản 4 Điều 155 của BLHS năm 1999.

[5] *Về xử lý vật chứng*: Áp dụng khoản 2 Điều 106 của BLTTHS, xử lý vật chứng vụ án như sau:

- Đối với 14 hộp pháo hình vuông và 604 quả pháo trụ hình tròn cần giao cho Ban chỉ huy quân sự tỉnh Thái Nguyên xử lý theo thẩm quyền;

- Chiếc điện thoại di động Nokia của bị cáo H, chiếc điện thoại Iphone và số tiền 250.000 đồng của bị cáo T cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo việc Thi hành án cho các bị cáo.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát trong lời luận tội đối với các bị cáo như đề nghị về tội danh, điều luật áp dụng, mức hình phạt chính và xử lý vật chứng vụ án là phù hợp với quy định của Pháp luật cần chấp nhận.

Trong vụ án này, theo bị cáo T khai có gọi điện thoại cho anh Nguyễn Đình Đ (là con bị cáo Nguyễn Đình H) để hỏi việc bị cáo H có nhà hay không, qua điều tra xác định anh Đ không biết việc T gọi điện hỏi anh Đ về việc bị cáo H có nhà không để T đến mua pháo nổ, đối với anh Trần Văn T không biết T thuê xe Taxi để vận chuyển pháo nổ với mục đích bán kiếm lời bất chính nên cơ quan điều tra không xem xét xử lý gì đối với anh Đ và anh T là phù hợp.

Ngoài ra, theo T khai có đối tượng tên S đã giao dịch mua bán pháo với T nhưng T không biết họ tên, lý lịch địa chỉ cụ thể của S ở đâu; nguồn gốc số pháo nổ Nguyễn Đình H bán cho T và bị thu giữ trong quá trình khám xét khẩn cấp là do H mua của một người đàn ông đi ô tô mua lợn ở khu vực xã Đ. Quá trình điều tra không đủ căn cứ để xác định các đối tượng trên là ai, vì vậy, cơ quan điều tra không có cơ sở để mở rộng điều tra vụ án.

[7] *Về án phí*: Các bị cáo phải chịu một khoản án phí Hình sự sơ thẩm sung quỹ Nhà nước theo quy định pháp luật và được quyền kháng cáo bản án này trong hạn Luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Văn T và Nguyễn Đình H phạm tội: "Buôn bán hàng cấm".

1.Áp dụng: Áp dụng khoản 1 Điều 155 của BLHS năm 1999, khoản 2 Điều 7, điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, các Điều 17, 58 và Điều 65 của BLHS năm 2015, đối với cả hai bị cáo, xử phạt:

- Bị cáo Nguyễn Văn T 03 (Ba) năm tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 (Năm) năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Bị cáo Nguyễn Đình H 03 (Ba) năm tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 (Năm) năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo Nguyễn Văn T và Nguyễn Đình H cho UBND xã Đ, huyện P, tỉnh Thái Nguyên theo dõi giám sát, giáo dục các bị cáo trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án Hình sự.

2. Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 4 Điều 155 của BLHS năm 1999 phạt bổ sung các bị cáo Nguyễn Văn T và Nguyễn Đình H mỗi bị cáo 10 (Mười) triệu đồng sung quỹ Nhà nước.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 2 Điều 106 của BLTTHS, xử lý vật chứng vụ án như sau:

- Giao 14 hộp pháo hình vuông có kích thước 12x12x12cm và 604 quả pháo trụ hình tròn có ghi chữ nước ngoài và có dây màu xanh dài 30cm cho Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Thái Nguyên xử lý theo thẩm quyền.

- Tạm giữ 01 chiếc điện thoại di động Nokia 206 màu đen, số Imel 85822 máy cũ đã qua sử dụng của bị cáo H, chiếc điện thoại Iphone 6S Plus màu hồng số Imel 55646 máy cũ đã qua sử dụng, có ký hiệu mặt sau IC: 579C-E2944A và số tiền 250.000 đồng của bị cáo T để đảm bảo việc Thi hành án cho các bị cáo.

(Tình trạng vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 06/4/2018 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Phú Bình và Đại đội 29 Phòng kỹ thuật - Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Thái Nguyên và biên bản giao nhận vật chứng ngày 05/6/2018 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Phú Bình và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Bình).

4. Về án phí: Áp dụng Điều 136 của BLTTHS và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án buộc bị cáo Nguyễn Văn T và Nguyễn Đình H mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí HSST sung quỹ Nhà nước.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt các bị cáo báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND, VKSND tỉnh Thái nguyên;
- Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND, THADS huyện Phú Bình;
- Công an huyện Phú Bình;
- Các bị cáo;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Minh Toản